TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Văn D, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Thị Huyền T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lò Thị Huyền T kết hôn với nhau từ năm 2007. Sau khi kết hôn được một thời gian thì nhận thấy không hợp nhau, thường xuyên có cãi vã do điều kiện kinh tế thiếu thốn và làm ảnh hưởng đến con cái nên hai bên đã thống nhất ly hôn vào năm 2011. Anh chị ly hôn được 1 năm thì nhận thấy vẫn còn tình cảm với nhau nên quyết định thử cho nhau cơ hội quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi con. Năm 2017 anh chị đi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Hát Lót và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/01/2017.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được hơn 1 năm thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vẫn do vợ chồng khác biệt về quan niệm sống. Không đồng nhất quan điểm về làm ăn kinh tế gia đình và cả cách nuôi dậy con. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã rất Nều lần nói chuyện nhằm tìm ra cách giải quyết tuy Nêu mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài làm mất dần tình cảm đối với nhau. Cuộc sống chung căng thẳng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tình cảm vợ chồng không thể

cứu vãn nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Anh chị xác nhận tình cảm không còn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho các bên. Tại phiên hòa giải, anh D và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D, chị T.

[2] Về con chung: Anh D, chị T có 04 con chung là các cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 09/11/2007; cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 25/5/2009; cháu Lê Bảo T, sinh ngày 30/7/2013; cháu Lê Trần Diệu L, sinh ngày 18/12/2017. Hai bên thống nhất: Anh D nhận trách Nệm nuôi dưỡng cháu M, cháu N, cháu T đến tuổi trưởng thành. Chị T có trách Nệm nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành. Chị T có trách Nệm cấp dưỡng nuôi cháu N cùng anh D mức 1.000.000VNĐ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu N trưởng thành. Anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu T cùng anh D. Chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu L cùng chị T.

Thỏa thuận về trách Nệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh D, chị T không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh D nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lò Thị Huyền T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Lê Thị Trà M sinh ngày 09/11/2007; cháu Lê Thị Tuyết N sinh ngày 25/5/2009; cháu Lê Bảo T sinh ngày 30/7/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu M, cháu N, cháu T trưởng thành.

Giáo cháu Lê Trần Diệu L sinh ngày 18/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành.

Chị T có trách Nệm cấp dưỡng nuôi cháu N cùng anh D mức 1.000.000đồng/1 tháng (một triệu đồng trên một tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2019 đến khi cháu N trưởng thành.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu T cùng anh D do anh D không yêu cầu. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu L cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn D nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003275 ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Hát Lót;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hà